

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2020/DS- PT

Ngày 09 - 11 - 2020

V/v: “Kiện đòi quyền sử dụng đất;
Tranh chấp liên quan đến tài sản bị
cưỡng chế thi hành án; Công nhận
quyền sở hữu tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thạo

Các Thẩm phán: 1. Ông Đặng Văn Quyết;
2. Bà Phạm Thị Minh Hiền.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa -Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố BG.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Thất Tùng - Kiểm
sát viên.

Trong các ngày 06/11/2020 và ngày 09/11/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 110/DSPT ngày 29/6/2020 về việc “Kiện đòi quyền sử dụng đất; tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án; công nhận quyền sở hữu tài sản” do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 11/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố BG, tỉnh Bắc Giang có kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2020/QĐ- PT ngày 28/7/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 131/2020/QĐ- PT ngày 07/8/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 145/2020/QĐ-PT ngày 07/9/2020, các quyết định tạm ngừng phiên tòa số 35/2020/QĐ-PT ngày 15/9/2020, số 40/2020/QĐ-PT ngày 15/10/2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Đỗ Văn N, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn AB, xã TT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đỗ Văn N: Luật sư Vũ Trọng B, Luật sư Công ty luật trách nhiệm hữu hạn FC - Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang.

- Các đồng bị đơn:

1. Ông Ngô Quang B, sinh năm 1957 (có mặt);

2. Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1958 (vắng mặt); Đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị H là ông Ngô Quang B, sinh năm: 1957 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn AB, xã TT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1986 (vắng mặt); Đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Lan A: Anh Ngô Văn T, sinh năm: 1980 (có mặt);

2. Chị Ngô Thị Kim O, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Đại diện theo ủy quyền của chị Ngô Thị Kim O: Ông Ngô Quang B, sinh năm: 1957 (có mặt);

3. Chị Ngô Thị Huyền T, sinh năm 1987 (vắng mặt); Đại diện theo ủy quyền của chị Ngô Thị Huyền T: Ông Ngô Quang B, sinh năm: 1957 (có mặt);

Đều cùng địa chỉ: Thôn AB, xã TT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

4. Bà Trần Thị V, sinh năm 1975 (vắng mặt); Đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị V: Ông Đỗ Văn N, sinh năm: 1975 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn AB, xã TT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang;

5. Bà Ngô Thị L, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã TT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị L: Ông Nguyễn Văn D (vắng mặt);

6. Anh Ngô Văn L, sinh năm 1983 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 29, đường PT, tổ dân phố số 4, phường TX, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền của anh Ngô Văn L: Ông Ngô Quang B, sinh năm: 1957 (có mặt).

7. UBND thành phố BG, tỉnh Bắc Giang do ông Nguyễn Thanh T - Phó trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường thành phố BG, tỉnh Bắc Giang đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng (vắng mặt);

8. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BG, tỉnh Bắc Giang do bà Phan Thị Việt H - Chấp hành viên đại diện theo ủy quyền (vắng mặt);

9. UBND huyện YD, tỉnh Bắc Giang do bà Phòng Thị N - Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện YD đại diện theo ủy quyền (vắng mặt);

10. UBND xã TT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang do ông Giáp Quang C - Chủ tịch UBND xã TT, thành phố BG đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

1. Anh Ngô Văn T, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn AB, xã TT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn X, xã TT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn D: Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1988 (có mặt);

Địa chỉ: Phòng 4, tầng 12, tòa nhà VT, số 1 TH, phường TL, quận Đ, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/01/2018 và quá trình tham tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là ông Đỗ Văn N trình bày:

Vào năm 1995 ông Đỗ Văn N được UBND xã TT giao cho quyền sử dụng 134,6 m² thuộc thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02, ở địa chỉ: Thôn AB, xã TT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang. Từ khi được giao đất (năm 1995) đến nay, do ông Đỗ Văn N không có nhu cầu sử dụng nên ông Đỗ Văn N đã cho vợ chồng ông Ngô Quang B và bà Đỗ Thị H (bà Đỗ Thị H là chị gái ông Đỗ Văn N) quản lý, sử dụng. Quá trình sử dụng đất, năm 1996 vợ chồng ông Ngô Quang B, bà Đỗ Thị H đã xây dựng ngôi nhà cấp 4 trên đất. Ngày 18/9/2006 ông Ngô Quang B đã được UBND huyện YD, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 540322, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00084/1151QĐ-UBND. Năm 2008 - 2009, gia đình ông Ngô Quang B, bà Đỗ Thị H đã xây dựng ngôi nhà 3 tầng kiên cố trên đất. Việc ông Ngô Quang B, bà Đỗ Thị H được UBND huyện YD cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và việc gia đình ông Ngô Quang B, bà Đỗ Thị H xây dựng nhà ở trên thửa đất này thì ông Đỗ Văn N đều biết nhưng không phản đối cũng như không khiếu nại gì. Việc ông Đỗ Văn N không phản đối, không khiếu nại cũng như không có ý kiến gì là do ông Ngô Quang B, bà Đỗ Thị H có hứa với ông Đỗ Văn N là sẽ mua cho ông Đỗ Văn N một thửa đất khác tương đương với thửa đất

này. Ông Đỗ Văn N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Ngô Quang B và bà Đỗ Thị H trả lại cho ông Đỗ Văn N toàn bộ quyền sử dụng diện tích 134,6m² đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất: Thôn AB, xã TT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang; được UBND huyện YD, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 540322 ngày 18/9/2006, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00084/1151QĐ-UBND mang tên chủ sử dụng ông Ngô Quang B, ông Đỗ Văn N không yêu cầu ông Ngô Quang B, bà Đỗ Thị H phải bồi thường thiệt hại cho ông.

Ông Đỗ Văn N đồng ý bồi thường cho anh Ngô Văn T 500.000.000 đồng giá trị tài sản của anh Ngô Văn T trên đất.

Ông Đỗ Văn N không đồng ý với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn D về việc yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng diện tích 134,6m² đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất: Thôn AB, xã TT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang, là tài sản hợp pháp của vợ chồng ông Ngô Quang B và bà Đỗ Thị H.

Đồng Bị đơn là ông Ngô Quang B và bà Đỗ Thị H ủy quyền cho ông Ngô Quang B tham gia tố tụng trình bày:

Nguồn gốc diện tích 134,6 m² đất tại thửa đất số 127 tờ bản đồ số 02 thuộc địa chỉ thôn AB, xã TT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang là của anh Đỗ Văn N được UBND xã TT, huyện YD, tỉnh Bắc Giang giao cho sử dụng vào năm 1995. Nhưng ông Đỗ Văn N không sử dụng mà cho vợ chồng ông Ngô Quang B, bà Đỗ Thị H sử dụng.

Năm 1996 gia đình ông Ngô Quang B mua mảnh đất diện tích 377 m² liền ngay phía sau của đất ông Đỗ Văn N. Sau khi mua xong, gia đình ông Ngô Quang B đến làm trang trại chăn nuôi lợn, gà và làm một dãy chuồng lợn và 3 gian nhà cấp 4 để ở trên đất của ông Đỗ Văn N. Khi ông Ngô Quang B xây công trình trên đất được sự đồng ý của ông Đỗ Văn N.

Vào năm 2006, UBND huyện YD đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 134,6 m² thửa số 127 tờ bản đồ số 02 thuộc địa chỉ thôn AB xã TT mang tên ông Ngô Quang B. Khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND xã TT tiến hành lập hồ sơ trình UBND huyện YD công nhận quyền sử dụng đất. Ông không được ký nhận vào hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn ông Đỗ Văn N có ký nhận vào hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất này không thì ông

Ngô Quang B không nắm được. Khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông mới được biết diện tích 134,6m² đất thuộc quyền sử dụng của ông Đỗ Văn N nhưng không cấp tên người sử dụng là ông Đỗ Văn N mà tên người sử dụng lại là ông Ngô Quang B.

Ngay sau khi nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Ngô Quang B nhận thấy là việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Ngô Quang B là sai vì không đúng tên chủ sử dụng. Ông Ngô Quang B có thông báo cho vợ chồng ông Đỗ Văn N biết và ông Ngô Quang B đề xuất với vợ chồng ông Đỗ Văn N là ông sẽ hứa mua trả cho ông Đỗ Văn N mảnh đất khác có giá trị tương đương và được sự nhất trí của vợ chồng ông Đỗ Văn N. Do có sự đồng ý của vợ chồng ông Đỗ Văn N nên năm 2008-2009 gia đình ông đã xây dựng lên ngôi nhà 3 tầng kiên cố như hiện nay. Việc xây dựng bằng nguồn tiền của con trai ông là anh Ngô Văn T đi làm nghề lái xe thuê gửi tiền về cho ông xây dựng. Gia đình ông khi đó có 6 nhân khẩu gồm 2 vợ chồng ông và 4 đứa con là Ngô Văn T, Ngô Văn L, Ngô Thị Kim O, Ngô Thị Huyền T. Ngoài anh Ngô Văn T ra thì các thành viên còn lại trong gia đình ông không ai có đóng góp bằng tiền mà chỉ đóng góp bằng công sức dọn dẹp, trông coi, bảo quản. Vợ anh Ngô Văn T là chị Nguyễn Thị Lan A cũng không có đóng góp gì vì khi xây dựng xong nhà vào cuối năm 2009 anh Ngô Văn T mới lấy vợ. Theo ông Ngô Quang B được biết khi đó anh Ngô Văn T xây hết khoảng 600.000.000 đồng. Khi xây không phải xin phép xây dựng vì khi đó đất thuộc xã TT, huyện YD quản lý. Từ năm 2007 đến năm 2011 do gia đình ông Ngô Quang B có nhu cầu vay vốn nên đã mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện YD, tỉnh Bắc Giang để vay vốn. Đến năm 2011 do việc làm ăn của gia đình ông gặp nhiều khó khăn dẫn tới việc không trả được tiền vay ngân hàng khi đến hạn. Ngày 26/11/2011, ông có vay của ông Nguyễn Văn D tiền để giải quyết công việc. Việc ông Ngô Quang B vay tiền của ông Nguyễn Văn D đã được ông Ngô Quang B thanh toán đầy đủ cho ông Nguyễn Văn D, nhưng ông Nguyễn Văn D không thừa nhận mà kiện ông ra Tòa án nhân dân thành phố BG. Bản án dân sự số 10/2016/DS-ST ngày 24/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố BG đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D, buộc ông phải trả cho ông Nguyễn Văn D số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng. Hiện nay Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG, tỉnh Bắc Giang đang thi hành bản án này. Do có tranh chấp liên quan đến tài sản bị

cưỡng chế thi hành án nên việc thi án được hoãn lại để chờ kết quả giải quyết của vụ án này. Vợ chồng ông có hứa sẽ mua mảnh đất khác có giá trị tương đương trả cho ông Đỗ Văn N, hiện nay vợ chồng ông có tiền nhưng chưa tìm được chỗ đất nào thích hợp để mua trả cho ông Đỗ Văn N. Nay ông Đỗ Văn N khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả lại cho ông Đỗ Văn N diện tích 134,6 m² đất thuộc thửa số 127 tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất: Thôn AB xã TT, thành phố BG. Ông Ngô Quang B và bà Đỗ Thị H đồng ý chấp nhận với toàn bộ yêu cầu kiện đòi quyền sử dụng đất của ông Đỗ Văn N.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn D yêu cầu Tòa án công nhận toàn bộ quyền sử dụng diện tích 134,6m² đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất: Thôn AB, xã TT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang, là tài sản hợp pháp của vợ chồng ông Ngô Quang B và bà Đỗ Thị H. Vợ chồng ông không chấp nhận vì quyền sử dụng đất là của ông Đỗ Văn N, toàn bộ tài sản trên đất là của anh Ngô Văn T. Vợ chồng ông có đủ tiền để thực hiện nghĩa vụ thi hành án cho ông Nguyễn Văn D nhưng vợ chồng ông không đồng ý trả vì không đồng ý với quyết định của Bản án dân sự số 10/2016/DS-ST ngày 24/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố BG.

Đối với việc anh Ngô Văn T có yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án công nhận toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích 134,6m² đất là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh Ngô Văn T, đồng thời buộc ông Đỗ Văn N phải bồi thường cho anh Ngô Văn T số tiền 500.000.000 đồng giá trị tài sản trên đất. Ông Ngô Quang B, bà Đỗ Thị H đồng ý với toàn bộ yêu cầu độc lập của anh Ngô Văn T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Nguyễn Văn D do ông Nguyễn Ngọc Đ là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Ngô Quang B và bà Đỗ Thị H trả lại cho ông Đỗ Văn N toàn bộ quyền sử dụng diện tích 134,6m² đất, tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất: Thôn AB, xã TT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang, được UBND huyện YD, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 540322 ngày 18/9/2006 mang tên ông Ngô Quang B, HKTT: Xã TT, thành phố BG, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00084/1151QB-UBND. Ông Nguyễn Văn D không chấp nhận.

Đối với việc anh Ngô Văn T có yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án công nhận toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích 134,6m² đất là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp

pháp của anh Ngô Văn T, đồng thời buộc ông Đỗ Văn N phải bồi thường cho anh Ngô Văn T số tiền 500.000.000 đồng giá trị tài sản trên đất, buộc ông Đỗ Văn N phải bồi thường cho anh Ngô Văn T số tiền 500.000.000 đồng giá trị tài sản trên đất. Ông Nguyễn Văn D không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của anh Ngô Văn T.

Căn cứ ông Nguyễn Văn D đưa ra là:

Vào năm 2006 UBND huyện YD, tỉnh Bắc Giang căn cứ vào quá trình sử dụng đất của người sử dụng đất là ông Ngô Quang B và bà Đỗ Thị H là người đang sử dụng ổn định lâu dài và làm nhà trên mảnh đất đó nên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Quang B, bà Đỗ Thị H. Hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chủ sử dụng ông Ngô Quang B đang có giá trị sử dụng, chưa bị cơ quan nào hủy bỏ. Quá trình sử dụng đất, ông Ngô Quang B và bà Đỗ Thị H đã nhiều lần đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi thế chấp để vay vốn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện YD, tỉnh Bắc Giang.

Về toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là: Ngôi nhà 3 tầng và công trình phụ là do chính vợ chồng ông Ngô Quang B xây từ năm 2008 hoàn thành 2009. Việc con ông Ngô Quang B, bà Đỗ Thị H là anh Ngô Văn T cho rằng ngôi nhà 3 tầng và công trình phụ là do anh Ngô Văn T bỏ toàn bộ tiền ra xây dựng là không đúng sự thật. Tại thời điểm xây dựng ngôi nhà trên đất là vào năm 2008, anh Ngô Văn T còn trẻ tuổi không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, các con ông Ngô Quang B là Ngô Thị Huyền T, anh Ngô Văn L, khi đó còn nhỏ tuổi và sống phụ thuộc vào bố mẹ nên không có công sức đóng góp, cháu Ngô Thị Oanh khi đó đã xây dựng gia đình và ở riêng. Tiền xây dựng nhà là do ông Ngô Quang B, bà Đỗ Thị H tích lũy được trong nhiều năm để xây dựng nhà.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn D giữ nguyên yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án công nhận toàn bộ quyền sử dụng diện tích 134,6m² đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất: Thôn AB, xã TT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang, là tài sản hợp pháp của vợ chồng ông Ngô Quang B và bà Đỗ Thị H.

Anh Ngô Văn T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trình bày:

Vào thời điểm năm 1995, do nhà ông bà ngoại anh Ngô Văn T (là ông bà thân sinh ra mẹ anh và ông Đỗ Văn N) đông con nên được Nhà nước giao cho quyền sử dụng

diện tích 134,6 m² thửa số 127 tờ bản đồ số 02 thuộc địa chỉ thôn AB xã TT, thành phố BG. Tên người sử dụng ghi trong Biên bản giao đất là ông Đỗ Văn N.

Vào năm 1996 do ông Đỗ Văn N chưa có nhu cầu sử dụng nên ông bà ngoại và ông Đỗ Văn N bảo bố mẹ anh ra mảnh đất đó xây nhà tạm để ở. Sau đó bố mẹ anh xây dựng lên ngôi nhà cấp 4 để ở. Khoảng năm 1997 ông Đỗ Văn N lấy vợ nhưng không ra đất mới ở mà vẫn ở chung với ông bà. Sau khi lấy vợ ông Đỗ Văn N được nhà vợ cho một lô đất ở cùng thôn AB nên vợ chồng ông Đỗ Văn N đã xây nhà ở trên đất của bố mẹ vợ cho và ở từ đó đến nay. Anh Ngô Văn T xác định quyền sử dụng diện tích 134,6m² thửa số 127 tờ bản đồ số 02 thuộc địa chỉ thôn AB xã TT, thành phố BG) là của ông Đỗ Văn N.

Do có sự đồng ý của vợ chồng ông Đỗ Văn N nên năm 2008-2009 gia đình anh Ngô Văn T đã xây dựng lên ngôi nhà 3 tầng kiên cố như hiện nay. Việc xây dựng bằng nguồn tiền của anh Ngô Văn T đi làm gửi tiền về cho ông Ngô Quang B, bà Đỗ Thị H xây dựng.

Căn cứ anh Ngô Văn T đưa ra là: Anh Ngô Văn T đi làm nghề lái xe từ năm 2005 đến đầu năm 2009 cho anh Khanh, địa chỉ anh Ngô Văn T không nhớ, biển số xe anh Ngô Văn T không nhớ, xe 5 tấn. Mức lương là 7.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra ăn uống sinh hoạt là do chủ xe nuôi. Anh Ngô Văn T lái xe một mình không có phụ. Mỗi tháng anh Ngô Văn T để ra được khoảng 5.000.000 đồng. Ngoài ra anh Ngô Văn T vay mượn của một số anh em họ hàng và bạn bè. Ngoài tiền anh Ngô Văn T bỏ ra xây dựng nhà thì trong gia đình anh Ngô Văn T không có ai bỏ tiền ra xây dựng cùng với anh Ngô Văn T. Bố mẹ anh Ngô Văn T không phải bỏ ra đồng nào để xây dựng. Việc chuyển gửi tiền cho ông Ngô Quang B xây nhà thì anh Ngô Văn T không có ghi chép hay ký nhận. Việc thuê thợ xây dựng anh không có hợp đồng. Mua bán vật tư anh không có hợp đồng, không có lưu giữ hóa đơn mua bán, không có sổ sách theo dõi thu, chi. Giữa anh Ngô Văn T và các thành viên còn lại trong gia đình anh không có văn bản thỏa thuận về việc tài sản trên đất là tài sản riêng của anh. Anh Ngô Văn T cũng không đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung mà anh chỉ yêu cầu ông Đỗ Văn N bồi thường giá trị tài sản trên đất cho anh vì anh xác định tài sản này là tài sản riêng của anh.

Nay ông Đỗ Văn N yêu cầu gia đình anh phải trả lại cho ông Đỗ Văn N quyền sử dụng 134,6 m² đất, anh Ngô Văn T đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn N và đồng ý giao toàn bộ tài sản trên đất cho ông Đỗ Văn N quản lý sử

dụng. Nhưng ông Đỗ Văn N có nghĩa vụ bồi thường cho anh Ngô Văn T toàn bộ giá trị tài sản trên đất. Theo như kết quả của hội đồng định giá đã định giá toàn bộ tài sản trên đất có giá trị 641.366.000 đồng. Nhưng anh Ngô Văn T không yêu cầu ông Đỗ Văn N bồi thường cho anh cả số tiền 641.366.000 đồng, mà anh Ngô Văn T chỉ yêu cầu ông Đỗ Văn N bồi thường cho anh tổng cộng 500.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Ngô Văn L, chị Ngô Thị Kim O, chị Ngô Thị Huyền T đều do ông Ngô Quang B là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Anh Ngô Văn L, chị Ngô Thị Huyền T, chị Ngô Thị Kim O đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn N và yêu cầu độc lập của anh Ngô Văn T, không đồng ý với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn D.

Toàn bộ tài sản là ngôi nhà 3 tầng và công trình phụ trên đất được xây dựng năm 2009 là do một mình anh Ngô Văn T bỏ ra xây dựng, tất cả các thành viên còn lại trong gia đình không ai đóng góp đồng nào để xây dựng. Anh Ngô Văn L, chị Ngô Thị Huyền T, chị Ngô Thị Kim O không yêu cầu gì đối với tài sản nhà đất này vì các anh chị xác định không có đóng góp gì. Đề nghị Tòa án tuyên giao toàn bộ nhà đất cho ông Đỗ Văn N và buộc ông Đỗ Văn N phải bồi thường toàn bộ tài sản trên đất cho anh Ngô Văn T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị L do ông Nguyễn Văn D là đại diện theo ủy quyền có lời khai trình bày:

Bà Ngô Thị L đồng ý với yêu cầu độc lập của chồng bà là ông Nguyễn Văn D, bà Lam không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn N và yêu cầu độc lập của anh Ngô Văn T. Đề nghị Tòa án công nhận toàn bộ quyền sử dụng diện tích 134,6m² đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất: Thôn AB, xã TT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang, là tài sản hợp pháp của vợ chồng ông Ngô Quang B và bà Đỗ Thị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Lan A do ông Ngô Văn T là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Chị Nguyễn Thị Lan A đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn N và yêu cầu độc lập của anh Ngô Văn T, không đồng ý với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn D.

Vào năm 2008 - 2009 anh Ngô Văn T xây dựng nhà, khi đó chị Nguyễn Thị Lan A chưa kết hôn với anh Ngô Văn T nên chị không có đóng góp gì. Nay chị Anh

không yêu cầu gì đối với tài sản này. Nhất trí với lời trình bày của chồng chị anh Ngô Văn T. Đề nghị Tòa án tuyên giao toàn bộ nhà, đất cho ông Đỗ Văn N quản lý sử dụng và buộc ông Đỗ Văn N phải bồi thường toàn bộ giá trị tài sản trên đất cho anh Ngô Văn T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị V do ông Đỗ Văn N là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Trần Thị V đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn N và yêu cầu độc lập của anh Ngô Văn T, không đồng ý với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn D. Quyền sử dụng diện tích 134,6m² được Nhà nước giao cho ông Đỗ Văn N từ trước khi bà kết hôn với ông Đỗ Văn N. Việc vợ chồng bà không sử dụng mảnh đất này mà giao cho ông Ngô Quang B, bà Đỗ Thị H sử dụng từ khi được giao đất đến nay là đúng. Đề nghị Tòa án tuyên giao toàn bộ nhà, đất cho ông Đỗ Văn N và ông Đỗ Văn N có trách nhiệm bồi thường toàn bộ tài sản trên đất cho anh Ngô Văn T.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BG do bà Phan Thị Việt H - Chấp hành viên là đại diện theo ủy quyền trình bày: Căn cứ Bản án dân sự số 10/2016/DS-ST ngày 24/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố BG; Quyết định đình chỉ số 24/2016/QĐ-PT ngày 21/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang; Căn cứ Quyết định thi hành án chủ động số 48/QĐ-CCTHADS và Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 47/QĐ-CCTHADS cùng ngày 12/10/2016 của Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG cho thi hành khoản tiền án phí 28.000.000 đồng; tiền trả nợ ông Nguyễn Văn D, số tiền 600.000.000 đồng và lãi suất chậm thi hành án đối với ông Ngô Quang B và bà Đỗ Thị H. Ngày 09/3/2018 Tòa án nhân dân thành phố BG đã thụ lý vụ án dân sự số 58/2018/TLST-DS về việc “*Kiện đòi quyền sử dụng đất; Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự; Công nhận quyền sở hữu tài sản*” theo đơn yêu cầu của ông Đỗ Văn N yêu cầu ông Ngô Quang B, bà Đỗ Thị H trả lại quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Văn N. Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG đã quyết định hoãn việc thi hành bản án dân sự số 10/2016/DS-ST ngày 24/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố BG.

Việc ông Đỗ Văn N khởi kiện đòi tài sản; Anh Ngô Văn T có yêu cầu độc lập yêu cầu ông Đỗ Văn N phải bồi thường cho ông giá trị tài sản trên đất, nhưng anh Ngô Văn T không có căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ. Tài sản đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng và có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chủ sử dụng là ông Ngô Quang B. Việc các bên khởi

kiện ra tòa là nhằm kéo dài thời hạn thi hành án hoặc nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án.

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn D, công nhận toàn bộ quyền sử dụng diện tích 134,6m² đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất: Thôn AB, xã TT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang, là tài sản hợp pháp của vợ chồng ông Ngô Quang B và bà Đỗ Thị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND thành phố BG do ông Nguyễn Thanh T, Phó trưởng phòng tài nguyên và môi trường, là đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng có lời khai trình bày:

Căn cứ vào hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, căn cứ vào đề nghị của UBND xã TT và nguồn gốc sử dụng đất và quy hoạch sử dụng đất; căn cứ vào luật đất đai năm 1993, ông Ngô Quang B đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02, diện tích 134,6m², mục đích sử dụng: đất ở tại thôn AB, xã TT, huyện YD (nay là thành phố BG).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện YD do Phòng Thị N, Phó trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện YD, là đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng. Mặc dù Tòa án đã yêu cầu UBND huyện YD có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng UBND huyện YD không có ý kiến trình bày quan điểm. Do vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã TT, thành phố BG do ông Giáp Quang C, Chủ tịch UBND xã TT, thành phố BG, là đại diện có lời trình bày:

Về tài liệu biên bản giao đất ngày 22/6/1995 do ông Đỗ Văn N xuất trình (là bản phô tô nhưng không có chứng thực), nên không xác định được có phải do UBND xã TT ban hành ra hay không.

Từ khoảng năm 2000, chỉ thấy vợ chồng ông Ngô Quang B làm nhà ở trên thửa đất này. Năm 2001 xã TT được đo đạc bản đồ địa chính, từ đó đến nay, vợ chồng ông Ngô Quang B là người nộp thuế đất nhà ở (nay là thuế phi nông nghiệp) tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02, diện tích 134,6m². UBND xã TT không nắm được có việc giao đất cho ông Đỗ Văn N hay không; có việc vợ chồng ông Ngô Quang B nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Đỗ Văn N hay không.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố BG đã tiến hành thẩm định, định giá tài sản kết quả như sau:

1. Đất ở theo đơn giá Nhà nước quy định: đất nông thôn, áp xã nhóm A, khu vực 1, vị trí 1.

Diện tích $134,6\text{m}^2 \times 1.600.000 \text{ đồng/m}^2 = 215.360.000 \text{ đồng}$.

2. Tài sản trên đất đất theo đơn giá Nhà nước quy định:

* Nhà cấp 4 lợp tôn, áp nhà cấp 4, loại 1, tính 75%.

Diện tích $24\text{m}^2 \times 2.427.000 \text{ đồng/m}^2 \times 50\% = 29.731.000 \text{ đồng}$.

* Nhà 3 tầng, tầng 3 lợp tôn.

+ Diện tích đổ trần, áp nhà cấp 3, loại 2, tính 75%.

Diện tích $55,4\text{m}^2 \times 3.487.000 \text{ đồng/m}^2 \times 75\% = 144.885.000 \text{ đồng}$.

+ Diện tích lợp mái tôn, áp nhà cấp 4, loại 1, tính 50%.

Diện tích $27,7\text{m}^2 \times 2.427.000 \text{ đồng/m}^2 \times 50\% = 33.614.000 \text{ đồng}$.

* Nhà 3 tầng, tầng đổ trần và chống nóng, sát trần lợp tôn.

+ Diện tích đổ trần, áp nhà cấp 3, loại 2, tính 75%.

Diện tích $159,4\text{m}^2 \times 3.487.000 \text{ đồng/m}^2 \times 75\% = 416.871.000 \text{ đồng}$.

+ Diện tích chống nóng sát trần lợp tôn, áp bán mái lợp tôn, tính 50%.

Diện tích $47,7\text{m}^2 \times 604.000 \text{ đồng/m}^2 \times 50\% = 14.405.000 \text{ đồng}$.

* Sân lát gạch nem tách: Áp sân lát gạch lá nem, tính 50%.

Diện tích $35,1\text{m}^2 \times 106.000 \text{ đồng/m}^2 \times 50\% = 1.860.000 \text{ đồng}$.

Cộng: 641.366.000 đồng.

Tổng cộng (1+2) = 856.726.000 đồng.

3. Đất ở theo giá chuyển nhượng thực tế tại địa phương:

Diện tích: $134,6\text{m}^2 \times 14.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 1.884.400.000 \text{ đồng}$.

Tòa án đã thông báo kết quả thẩm định, định giá cho các đương sự, các đương sự không ai có ý kiến gì.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Ngô Quang B cho rằng chữ ký và chữ viết trong đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không phải của ông Ngô Quang B. Ông Ngô Quang B có đơn đề nghị giám định chữ ký và chữ viết mang tên ông Ngô Quang B. Viện khoa học hình sự Bộ Công an có Kết luận giám định số 272/C09-P5 ngày 20/11/2019 với nội dung: Chữ ký, chữ viết đứng tên Ngô Quang B trên mẫu cần giám định so với chữ ký, chữ viết của ông Ngô Quang B trên mẫu so sánh không phải do cùng một người ký, viết ra.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh với ông Đỗ Văn Q cho biết như sau: Toàn bộ đất và tài sản trên đất là do hộ ông Ngô Quang B xây dựng lên. Về thực hiện nghĩa vụ kê khai và đóng thuế sử dụng đất đối với thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02, diện tích 134,6m² từ trước năm 2000 có lúc do ông Ngô Quang B đóng, có lúc do bà C đóng. Từ năm 2000 cho đến nay thì hoàn toàn do ông B đóng. Từ năm 1990 đến nay ông Q đều là trưởng thôn, ông xác nhận diện tích đất này là của ông Ngô Quang B. Năm 2005 khi họp xét các đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ trong thôn AB thì hộ ông Ngô Quang B cũng có đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên và được phê duyệt cùng với 38 hộ khác cùng thời điểm.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh với ông Ngô Quang Q (nguyên là chủ tịch UBND xã TT) cho biết như sau: Theo biên bản giao đất ngày 22/6/1995 thì chữ ký trong biên bản là chữ ký của ông, dấu đóng thì quá mờ, mà lại là bản phô tô nên không thể xác định tính chính xác của văn bản này.

Với nội dung vụ án như trên, bản án số 13/2020/DS - ST ngày 11/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố BG, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 182, Điều 184, Điều 187, Điều 221 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn N về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Ngô Quang B và bà Đỗ Thị H trả lại cho ông Đỗ Văn N toàn bộ quyền sử dụng diện tích 134,6m² đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất: Thôn AB, xã TT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang, được UBND huyện YD, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 540322 ngày 18/9/2006 cho ông Ngô Quang B, HKTT: xã TT, thành phố BG, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00084/1151QĐ-UBND.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Ngô Văn T về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Đỗ Văn N phải bồi thường cho ông số tiền 500.000.000 đồng giá trị tài sản gắn liền với diện tích 134,6m² đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất: Thôn AB, xã TT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang,

được UBND huyện YD, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 540322 ngày 18/9/2006 cho ông Ngô Quang B, HKTT: xã TT, thành phố BG, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00084/1151QĐ-UBND.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn D.

Tuyên bố toàn bộ quyền sử dụng diện tích 134,6m² đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất: Thôn AB, xã TT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang, được UBND huyện YD, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 540322 ngày 18/9/2006 cho ông Ngô Quang B, HKTT: xã TT, thành phố BG, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00084/1151QĐ-UBND là tài sản hợp pháp của vợ chồng ông Ngô Quang B và bà Đỗ Thị H.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Ông Đỗ Văn N phải chịu 5.000.000 (năm triệu) đồng chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận ông Đỗ Văn N đã nộp xong số tiền này.

5. Về chi phí giám định: Ông Đỗ Văn N phải chịu 8.000.000đ (tám triệu đồng) chi phí giám định. Ông Ngô Quang B được nhận lại số tiền này khi ông Đỗ Văn N nộp.

6. Về án phí: Ông Đỗ Văn N phải chịu 68.532.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về kiện đòi quyền sử dụng đất, nhưng được trừ vào số tiền nộp 8.412.500 đồng tiền tạm ứng án phí ông Đỗ Văn N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/06667 ngày 09/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG. Ông Đỗ Văn N còn tiếp tục phải nộp 60.119.500 đồng (sáu mươi triệu một trăm mười chín nghìn năm trăm đồng).

Anh Ngô Văn T phải chịu 24.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 14.800.000 đồng tạm ứng án phí anh Ngô Văn T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/07023 ngày 11/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG. Anh Ngô Văn T còn tiếp tục phải nộp 9.200.000 đồng (chín triệu hai trăm nghìn đồng).

Trả lại cho ông Nguyễn Văn D 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000073 ngày 13/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/5/2020, ông Đỗ Văn N nộp đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí

phúc thẩm.

Nội dung kháng cáo: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xem xét lại vụ án giải quyết cho anh được công bằng, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đỗ Văn N không thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện, không thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo, ông Ngô Quang B không thay đổi quan điểm ban đầu, ông Nguyễn Văn D do anh Nguyễn Ngọc Đ đại diện theo ủy quyền và anh Ngô Văn T không thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu độc lập; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đỗ Văn N trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02, thôn AB - xã TT là do ông Đỗ Văn N được Ủy ban nhân dân xã TT, huyện YD cấp năm 1995, ông Ngô Quang B đã thừa nhận nguồn gốc đất, ngoài ra còn các tài liệu khác chứng minh nguồn gốc đất là của ông Đỗ Văn N như: Biên bản hòa giải giữa các bên do UBND xã TT, thành phố BG, Kết luận giám định về chữ ký trong đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02, thôn AB, xã TT xác định chữ ký trong đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải chữ ký của ông Ngô Quang B. Bản thân ông Ngô Quang B cũng thừa nhận thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02, ông mượn của ông Đỗ Văn N. Ngày 02/11/2020 ông Đỗ Văn N đã nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 540322 ngày 18/9/2006 của UBND huyện YD đã cấp cho ông Ngô Quang B đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án để chờ kết quả giải quyết vụ án hành chính. Trường hợp tiếp tục xét xử thì chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn N, công nhận ông Đỗ Văn N là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02, diện tích 134,6m², địa chỉ thửa đất: Thôn AB, xã TT, thành phố BG.

Ông Đỗ Văn N đồng ý với nội dung người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông đã trình bày. Ông Đỗ Văn N trình bày bổ sung: Năm 1995, ông được UBND xã TT bán cho 01 mảnh đất nay là thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02 thôn AB - xã TT. Việc giao đất là do ông Đ (Trưởng thôn) giao cho bố mẹ ông, sau đó bố mẹ ông giao lại cho ông. Giấy tờ chứng minh việc giao đất ông chỉ có duy nhất là biên bản bàn giao đất (bản phô tô) ngày 22/6/1995. Bản gốc tài liệu này ông không còn vì bố, mẹ giao cho ông chỉ là bản phô tô.

Người nộp tiền mua đất là bố, mẹ ông, tiền mua đất được nộp cho ông Đ (Trưởng thôn AB - xã TT). Sau khi nhận đất do chưa có nhu cầu sử dụng nên ông đồng ý cho vợ chồng bà Đỗ Thị H (là chị gái ruột ông Đỗ Văn N), ông Ngô Quang B (là chồng bà Đỗ Thị H) mượn đất trồng rau. Đến năm 2009, anh Ngô Văn T xây nhà, anh Ngô Văn T có trực tiếp gặp ông và đặt vấn đề cho xây nhà nhờ trên thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02 và được ông đồng ý. Từ năm 2009 ông đã biết việc ông Ngô Quang B đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02 mà UBND xã TT đã giao cho ông, nhưng vì bà Đỗ Thị H là chị gái, ông Ngô Quang B là anh rể, nên ông không khiếu nại việc UBND huyện YD cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng đối tượng. Ông Ngô Quang B, bà Đỗ Thị H có hứa hên trả cho ông 01 thửa đất khác, nhưng từ năm 2009 đến nay, ông Ngô Quang B bà Đỗ Thị H vẫn chưa thực hiện. Ông yêu cầu ông Ngô Quang B bà Đỗ Thị H phải trả lại ông thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02, thôn AB - xã TT. Tài sản của anh Ngô Văn T đã xây dựng trên đất, anh đồng ý trả anh Ngô Văn T bằng tiền theo kết quả định giá của Hội đồng định giá.

Ông Ngô Quang B trình bày: Bản thân ông không phải là người ở thôn AB, xã TT nên ông không thuộc đối tượng được cấp đất ở thôn AB, xã TT, thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02 là đất do UBND xã TT cấp cho ông Đỗ Văn N, do vợ chồng ông cũng mua một mảnh đất diện tích 377m² liền kề với thửa đất ông Đỗ Văn N nên từ năm 1995 vợ chồng ông mượn thửa đất của ông Đỗ Văn N để trồng rau đồng thời xây dựng công trình chăn nuôi, nhà cấp 4 ở nhờ trên đất của ông Đỗ Văn N và được ông Đỗ Văn N đồng ý. Năm 2006 ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 540322 nhưng ông nghĩ là ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất 377m² của vợ chồng ông liền kề với thửa đất số 127 của ông Đỗ Văn N mà không biết là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 540322 cấp cho ông được quyền sử dụng thửa đất số 127 tờ bản đồ số 02 của ông Đỗ Văn N. Năm 2009, anh Ngô Văn T có nhu cầu làm nhà ở, anh Ngô Văn T có hỏi ý kiến ông Đỗ Văn N cho nhờ xây nhà trên đất, việc hai câu cháu thỏa thuận như thế nào bản thân ông không được biết, nhưng sau đó anh Ngô Văn T có xây nhà trên đất, vì anh Ngô Văn T đã xây nhà kiên cố nên từ năm 2009 vợ chồng ông đã thống nhất với ông Đỗ Văn N khi nào làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 377m² liền kề với thửa đất số 127 thì vợ chồng ông sẽ tách đất đền bù cho ông Đỗ Văn N 1 thửa nhưng vì thửa đất của ông đến nay vẫn chưa làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chưa tách đất để đền bù trả ông Đỗ Văn N được. Vợ chồng ông đồng ý với yêu

cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn N, đồng ý trả lại toàn bộ thửa đất số 127 tờ bản đồ số 02, diện tích 134,6m² cho ông Đỗ Văn N.

Anh Ngô Văn T trình bày: Anh là con của bà Đỗ Thị H, ông Ngô Quang B, là cháu ông Đỗ Văn N. Năm 2009 anh có nhu cầu làm nhà ở, anh có hỏi ông Đỗ Văn N cho mượn đất để xây nhà nhờ trên thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02 của ông Đỗ Văn N và được ông Đỗ Văn N đồng ý. Ông Đỗ Văn N khởi kiện yêu cầu trả lại đất anh đồng ý, các tài sản anh đã xây dựng trên thửa đất 127, tờ bản đồ số 02 bao gồm: Nhà ở, các công trình phục vụ sinh hoạt của gia đình, anh yêu cầu ông Đỗ Văn N trả bằng tiền trị giá 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

Anh Nguyễn Ngọc Đ là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn D trình bày: Giữ nguyên yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn D, không đồng ý tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm, đề nghị HĐ xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đỗ Văn N trình bày ý kiến tranh luận: Nguồn gốc đất là của ông Đỗ Văn N được UBND xã TT giao căn cứ chứng minh là biên bản giao đất ngày 22/6/1995, mặc dù chỉ là bản phô tô nhưng đã được xác minh và được ông Ngô Quang Q là Chủ tịch UBND xã TT thừa nhận chữ ký trong văn bản là chữ ký của ông Ngô Quang Q; bản thân ông Ngô Quang B cũng thừa nhận nguồn gốc thửa đất này là của ông Đỗ Văn N, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Ngô Quang B, bà Đỗ Thị H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng đối tượng, đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi nguồn gốc đất được Nhà nước cấp năm 1990 là không phù hợp với sự thật khách quan bởi vì ông Ngô Quang B, bà Đỗ Thị H không có căn cứ chứng minh là chủ sử dụng đất, không có chứng cứ chứng minh ông Ngô Quang B, bà Đỗ Thị H được Nhà nước cấp đất từ năm 1990; kết luận giám định số 272/C09 – P5 ngày 20/11/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an đã kết luận: Chữ ký trong đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải chữ ký của ông Ngô Quang B.

Tại biên bản hòa giải do UBND xã TT tiến hành các thành phần tiến hành hòa giải gồm: Bà Nguyễn Thị T, ông Đỗ Văn S, ông Hoàng Văn T đều đề nghị ông Ngô Quang B, bà Đỗ Thị H trả đất cho ông Đỗ Văn N, mặt khác ngày 02/11/2020, ông Đỗ Văn N đã nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 540322 của Ủy ban nhân dân huyện YD đã cấp cho ông Ngô Quang B được quyền sử dụng thửa đất số 127 tờ bản đồ số 02 thôn AB, xã TT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm đình chỉ xét xử vụ án.

Trường hợp Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử thì chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Văn N, sửa án sơ thẩm buộc ông Ngô Quang B trả lại ông Đỗ Văn N toàn bộ thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02 thôn AB - xã TT, thành phố BG.

Anh Nguyễn Ngọc D trình bày tranh luận: Không chấp nhận ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Biên bản giao đất ngày 22/6/1995 là bản phô tô không đáp ứng được giá trị chứng minh của chứng cứ. UBND xã TT, thôn AB đều là các cơ quan, tổ chức không có quyền bán đất theo quy định của Luật đất đai năm 1993. Bản thân ông Đỗ Văn N chưa bao giờ là chủ sử dụng đất và chưa bao giờ thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sử dụng đất, biên bản hòa giải do UBND xã tiến hành ngày 18/01/2018 sau khi có quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 127 tờ bản đồ số 02 để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án của ông Ngô Quang B đối với ông Nguyễn Văn D, việc ông Ngô Quang B đồng ý trả lại thửa đất số 127 tờ bản đồ số 02 là nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ thi hành án đối với ông Nguyễn Văn D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 306 của Bộ luật tố tụng dân sự:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên Toà, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Thư ký phiên tòa đã phổ biến nội quy phiên tòa; kiểm tra sự có mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án và thực hiện các công việc khác đúng quy định tại Điều 297 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 11/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

Ông Đỗ Văn N phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Đỗ Thị H là bị đơn vắng mặt; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Ngô Văn L, chị Ngô Thị Huyền T, chị Ngô Thị Kim O, chị Nguyễn Thị Lan A, bà Trần Thị V, ông Nguyễn Văn D vắng mặt nhưng có đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa; bà Ngô Thị L, đại diện UBND huyện YD, tỉnh Bắc Giang, đại diện UBND thành phố BG, tỉnh Bắc Giang, đại diện UBND xã TT, thành phố BG, đại diện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BG vắng mặt nhưng không ảnh hưởng đến việc giải quyết kháng cáo, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Đỗ Thị H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 294, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Đỗ Văn N, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc ông Ngô Quang B trả lại toàn bộ thửa đất số 127 tờ bản đồ số 22 diện tích 134,6m² tại thôn AB, xã TT, thành phố BG.

[2.1] Ông Đỗ Văn N chỉ đưa ra được một chứng cứ duy nhất là bản phô tô copy “biên bản giao đất ngày 22/6/1995” (bút lục số 14) để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Hội đồng xét xử thấy: Theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự thì: *Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận*. Biên bản giao đất ngày 22/6/1995 là bản phô tô copy, hình dấu đóng mờ, không đọc được, Tòa án sơ thẩm đã xác minh ông Ngô Quang Q là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TT, huyện YD vào năm 1995, ông Ngô Quang Q thừa nhận chữ ký trong biên bản đúng là chữ ký của ông nhưng con dấu quá mờ nên ông không thể xác định tính chính xác của văn bản này vì vậy ông không thể xác định nội dung của văn bản (bút lục số 335). Như vậy “biên bản giao đất ngày 22/6/1995” không được coi là chứng cứ;

[2.2] Tại biên bản lấy lời khai của ông Ngô Quang B có trong hồ sơ vụ án (bút lục số 37) và lời khai của ông Ngô Quang B, ông Đỗ Văn N tại phiên tòa, ông Ngô Quang B và ông Đỗ Văn N đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất số 127 tờ bản đồ số 02 diện tích 134,6m² tại thôn AB, xã TT, thành phố BG là của ông Đỗ Văn N được Ủy ban nhân dân xã TT cấp năm 1995, ông Ngô Quang B, bà Đỗ Thị H chỉ là người mượn đất của ông Đỗ Văn N để ở nhờ và trồng rau từ năm 1995, ông Ngô Quang B và bà Đỗ Thị H đồng ý trả lại cho ông Đỗ Văn N toàn bộ thửa đất số 127 tờ bản đồ số 02 diện tích 134,6m². Hội đồng xét xử thấy: Ông Đỗ Văn N là người được giao đất nhưng không trực tiếp quản lý, sử dụng, không đóng thuế sử dụng đất, đến năm

2009 khi biết ông Ngô Quang B được Ủy ban nhân dân huyện YD cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 540322 đối với thửa đất số 127 tờ bản đồ số 02 là không đúng đối tượng nhưng bản thân ông Đỗ Văn N cũng không khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng, không khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính để đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 540322 đã cấp cho ông Ngô Quang B đối với thửa đất số 127 tờ bản đồ số 02. Như vậy từ ngày 22/6/1995 đến ngày 22/01/2018, ông Đỗ Văn N đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định tại Điều 73, Điều 79 Luật đất đai năm 1993; Điều 105, Điều 107 Luật đất đai năm 2003; Điều 166, Điều 170 Luật đất đai năm 2013. Ông Ngô Quang B, bà Đỗ Thị H trực tiếp quản lý sử dụng đất liên tục từ năm 1995 đến nay. Quá trình sử dụng đất ông Ngô Quang B đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định tại Điều 73, Điều 79 Luật đất đai năm 1993; Điều 105, Điều 107 Luật đất đai năm 2003; Điều 166, Điều 170 Luật đất đai năm 2013 và được Ủy ban nhân dân huyện YD cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 127 tờ bản đồ số 02 thôn AB, xã TT, thành phố BG, ông Đỗ Văn N có biết nhưng không phản đối, không khiếu nại, không khởi kiện. Theo Án lệ số 33/2020/AL về trường hợp cá nhân được nhà nước giao đất nhưng không sử dụng mà để người khác quản lý, sử dụng ổn định, lâu dài, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 34/2018/DS-GĐT ngày 26/6/2018, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 05 tháng 02 năm 2020 và được công bố theo Quyết định số 50/QĐ-CA ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: *Cá nhân được Nhà nước cấp đất nhưng không sử dụng mà để người khác quản lý, sử dụng ổn định, lâu dài từ khi được giao đất. Trong quá trình sử dụng đất, người này đã tôn tạo đất, xây dựng nhà ở ổn định, đăng ký kê khai quyền sử dụng đất mà người được cấp đất không có ý kiến gì. Trường hợp này, Tòa án không chấp nhận yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất.* Hội đồng xét xử xét thấy: Tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, theo quy định tại Điều 176, Điều 192, Điều 196 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 170, Điều 185, Điều 190 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 221, Điều 187, Điều 182, Điều 184 Bộ luật Dân sự năm 2015 và theo Án lệ số 33/2020/AL có đủ cơ sở để xác định Ông Ngô Quang B, bà Đỗ Thị H là chủ sử dụng của thửa đất số 127 tờ bản đồ số 02 diện tích 134,6m² tại thôn AB, xã TT, thành phố BG. Mặt khác sau khi Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BG, tỉnh Bắc Giang có quyết định cưỡng chế kê biên quyền

sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 127 tờ bản đồ số 02 để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án của ông Ngô Quang B đối với ông Nguyễn Văn D ông Đỗ Văn N mới khởi kiện yêu cầu ông Ngô Quang B trả lại đất, ông Ngô Quang B đồng ý trả lại thửa đất số 127 tờ bản đồ số 02 diện tích 134,6m² tại thôn AB, xã TT, thành phố BG là nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ thi hành án với người được thi hành án là ông Nguyễn Văn D. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn N là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Đối với chữ ký trong đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại kết luận giám định số 272/C09 – P5 ngày 20/11/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an đã kết luận: Chữ ký trong đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải chữ ký của ông Ngô Quang B. Ngày 02/11/2020, ông Đỗ Văn N nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 540322 của Ủy ban nhân dân huyện YD, tỉnh Bắc Giang đã cấp cho ông Ngô Quang B. Tại phiên tòa, ông Đỗ Văn N đề nghị Hội đồng xét xử tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm. Hội đồng xét xử thấy, không có căn cứ để tạm đình chỉ xét xử vụ án vì cho dù ông Đỗ Văn N khởi kiện vụ án hành chính và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Ngô Quang B có bị huỷ thì cũng không có căn cứ để khôi phục quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Văn N.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy: Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Văn N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148, khoản 6 Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS- ST ngày 11/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ Điều 26; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 161, Điều 165, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 182, Điều 184, Điều 187, Điều 221, Điều 236 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn N về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Ngô Quang B và bà Đỗ Thị H trả lại cho ông Đỗ Văn N toàn bộ quyền sử dụng diện tích 134,6m² đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất: Thôn AB, xã TT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang, được UBND huyện YD, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 540322, số vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất: H00084/1151QĐ-UBND ngày 18/9/2006 cho ông Ngô Quang B.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Ngô Văn T về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Đỗ Văn N phải bồi thường cho anh số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) giá trị tài sản gắn liền với diện tích 134,6m² đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất: Thôn AB, xã TT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang, được UBND huyện YD, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 540322, số vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất: H00084/1151QĐ-UBND ngày 18/9/2006 cho ông Ngô Quang B.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn D.

Tuyên bố toàn bộ quyền sử dụng diện tích 134,6m² đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất: Thôn AB, xã TT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang, được UBND huyện YD, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 540322, số vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất: H00084/1151QĐ-UBND ngày 18/9/2006 cho ông Ngô Quang B là tài sản hợp pháp của vợ chồng ông Ngô Quang B và bà Đỗ Thị H.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Đỗ Văn N phải chịu 5.000.000đ (năm triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận ông Đỗ Văn N đã nộp đủ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

5. Về chi phí giám định: Ông Đỗ Văn N phải chịu 8.000.000đ (tám triệu đồng) tiền chi phí giám định. Ông Ngô Quang B được nhận lại số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) khi ông Đỗ Văn N nộp.

6. Về án phí: Ông Đỗ Văn N phải chịu 68.532.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về kiện đòi quyền sử dụng đất, nhưng được trừ vào số tiền nộp 8.412.500 đồng tiền tạm ứng án phí ông Đỗ Văn N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số AA/2012/06667 ngày 09/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG. Ông Đỗ Văn N còn tiếp tục phải nộp 60.119.500 đồng (sáu mươi triệu một trăm mười chín nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Ngô Văn T phải chịu 24.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 14.800.000 đồng tạm ứng án phí anh Ngô Văn T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/07023 ngày 11/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG. Anh Ngô Văn T còn tiếp tục phải nộp 9.200.000 đồng (chín triệu hai trăm nghìn đồng).

Trả lại cho ông Nguyễn Văn D 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000073 ngày 12/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG. Ông Đỗ Văn N phải chịu 300.000(ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông Nam đã nộp theo Biên lai thu số AA/2018/0001284 ngày 22/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7,7a và 7b Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND TP BG;
- Chi cục THA dân sự TP BG;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thọ